PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG QUA CÔNG CỤ AI

LƯ THỊ THU NGUYỀN
Trường Đại học An Giang,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 20/02/2025. Sửa chữa xong 28/02/2025. Duyệt đăng 4/3/2025.

Abstract

In learning process, English major learners' autonomy is one of the most important skills in enhancing their knowledge, making their learning more effective, and improving their academic results. Therefore, the investigation into the effects of AI tools on English major students' learning autonomy is to aim identify the benefits of AI tools affecting self-study of English as well as the role of teachers in supporting students to learn Engish on their own, thereby propose solutions (especially using AI) to enhance autonomy in learning English at the Faculty of Foreign Languages in An Giang University.

Keywords: *Artificial Intelligence (AI), Artificial Intelligence tools, learning autonomy, English major students.*

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển của công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng thu hút nhiều sự quan tâm ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Việc ứng dụng AI trong quá trình học tập giúp nâng cao hiệu quả và tạo thêm động lực giải quyết nhiều vấn đề phức tạp một cách nhanh chóng. Với lợi thế đó, giới trẻ hiện nay, đặc biệt là sinh viên (SV) đã tiếp cận sử dụng AI như công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình học tập, đặc biệt là trong quá trình tự học. Đối với môi trường đại học, tự chủ trong học tập là vấn đề then chốt giúp người học cải thiện kết quả học tập, đồng thời giúp họ giảm áp lực trong việc tiếp cận với hệ thống tri thức nghề nghiệp tương lai trên các phương tiện thông tin hiện đại. Sự phát triển của công nghệ đã thúc đẩy ứng dụng AI trong nhiều lĩnh vực, giúp người học cải thiện kết quả và giảm áp lực khi tiếp cận khối lượng kiến thức khổng lồ.

Bài viết khảo sát nhìn nhận của SV chuyên ngành Tiếng Anh với công cụ hỗ trợ AI được thiết kế có chủ đích, hoạt động dựa trên trí thông minh của con người để cung cấp thông tin thích hợp và giải đáp những câu hỏi của người dùng một cách nhanh chóng. Việc sử dụng các công cụ học tập với AI trong tự học nhằm nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của người học, giúp SV đạt được kết quả học tập tốt hơn. Vì vậy, việc tự học Tiếng Anh ngày càng trở nên thuận tiện và tối ưu hơn khi các ứng dụng và phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ tích hợp AI ra đời. Trên cơ sở đó, tác giả có những đề xuất hay biện pháp thích hợp để tạo động lực cho SV tự học tốt hơn, đồng thời nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu học tập và nghề nghiệp tương lai, hơn thế nữa là đạt được hiệu quả tốt nhất trong giáo dục đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm trí tuệ nhân tạo

Theo J. McCarthy và cộng sự, AI - Artificial Intelligence nhằm mô tả chính xác các khía cạnh của xử lý trí tuệ và học (để có được tri thức) và tạo ra được các hệ thống, máy mô phỏng hoạt động học và xử lí trí tuệ [1]. Theo Barr và Feigenbaum (1989), AI được định nghĩa là một phần của khoa học máy tính,

Email: lttnguyen@agu.edu.vn

tập trung vào việc thiết kế các hệ thống máy tính có khả năng thể hiện những đặc điểm mà chúng ta thường liên tưởng đến trí thông minh trong hành vi con người, bao gồm khả năng hiểu ngôn ngữ, học hỏi, suy luận và giải quyết vấn đề [2]. Theo Makridakis, AI được định nghĩa là khả năng truyền đạt tới máy tính để thực hiện nhiều hoạt động mang tính hệ thống và giống con người. Nó cũng được định nghĩa là một trong những lĩnh vực của máy tính và công nghệ thông tin, nghiên cứu, thiết kế và phát triển hệ thống máy tính mô phỏng sự thông minh của con người [3]. Theo Russell (2016), AI là khả năng cho phép máy tính thực hiện các tác vụ thông minh. Lĩnh vực khoa học này sử dụng thuật toán, chương trình và dữ liệu lớn để tạo ra các hệ thống mô phỏng trí tuệ con người. AI đang thay đổi cuộc sống của chúng ta, từ những ứng dụng đơn giản như nhận dạng giọng nói đến những lĩnh vực phức tạp như tự động hóa và phân tích dữ liệu, thúc đẩy sự tiến bộ và sáng tạo không ngừng [4]. Từ các khái niệm của nhiều nhà nghiên cứu, tác giả rút ra được định nghĩa về AI như sau: AI là công nghệ mô phỏng quá trình suy nghĩ và học tập của con người, áp dụng vào máy móc, đặc biệt là hệ thống máy tính, nó tập trung vào việc tạo ra các hệ thống và máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí thông minh của con người, bao gồm hiểu ngôn ngữ tự nhiên, nhận dạng mẫu, giải quyết vấn đề phức tạp, học hỏi kinh nghiệm và đưa ra quyết định.

2.1.2. Khái niệm tự học

Theo Rubakin (1973), tự học là quá trình cá nhân chủ động tiếp thu kiến thức và kinh nghiệm từ xã hội. Quá trình này diễn ra thông qua việc: so sánh và cải thiện kinh nghiệm cá nhân với các mô hình thực tế, biến kiến thức chung của nhân loại thành kiến thức, kỹ năng riêng của bản thân.

Khái niệm tự chủ trong học tập "learner autonomy" có nguồn gốc từ khái niệm tự chủ "autonomy" (Little, 1999) và được hiểu từ nhiều góc độ khác nhau [5]. Khái niệm này ban đầu được Holec (1979) định nghĩa là năng lực tự chịu trách nhiệm về việc học của mình [6]. Các tác giả về sau bổ sung thêm và diễn giải khái niệm này theo nhiều cách khác nhau. Little (1991) xem tự học là kĩ năng tự lập: Tự chủ là "Năng lực tự lập, năng lực tư duy phê phán, ra quyết định và hành động độc lập" (Little, 1991, pp. 4). Dickinson (1995) xem tự chủ trong học tập là hoàn cảnh trong đó người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về tất cả những quyết định liên quan đến việc học của bản thân và thực thi những quyết định đó (Dickinson, 1995) [7]. Ở một góc độ khác, Dam (1995) xem tự chủ là sự sẵn sàng chịu trách nhiệm về việc học của mình để phục vụ cho nhu cầu và mục đích của mình. Trong lĩnh vực tự học ngoại ngữ, Benson nhấn mạnh yếu tố tự chủ, tức là khả năng người học kiểm soát quá trình học tập của mình. Các tác giả Benson và Voller (1997) tổng kết lại bốn nghĩa khác nhau của khái niệm này, cụ thể tự chủ trong học tập là những hoàn cảnh trong đó người học hoàn toàn tự học một mình; là những kỹ năng có thể học và ứng dụng để học tự định hướng; là sự thực thi trách nhiệm của người học đối với việc học của mình; hay quyền của người học được quyết định về việc học của mình [8].

Tự chủ trong học tập được hiểu theo nhiều cách khác nhau nhưng nhìn chung bao gồm 3 yếu tố chính là năng lực tự chủ. Các kỹ năng người học có thể rèn luyện hoặc bẩm sinh như kỹ năng tự học, tư duy phản biện, ra quyết định và làm việc nhóm. Người học tự chịu trách nhiệm cho việc học của mình. Tiếp theo là hoàn cảnh tự chủ. Người học kiểm soát hoàn toàn việc học, tự chịu trách nhiệm và chủ động trong các hoạt động học tập mà không phụ thuộc vào giáo viên hay chương trình. Môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến sự phát triển khả năng tự chủ. Quyền làm chủ việc học là người học được tham gia quyết định các mục tiêu, phương pháp, tài liệu và cách đánh giá trong quá trình học. Ngoài ra, kỹ năng tự học là khả năng thực hiện hiệu quả các hoạt động tự học, bao gồm việc lựa chọn và áp dụng kiến thức phù hợp với thực tế. Một số yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tự học ngoại ngữ là hứng thú, tự tin, kiến thức và kỹ năng. Tự học (học tập tự chủ) thường kết hợp với tư duy độc lập. Người học tự nghiên cứu vấn đề, tự thể hiện và tự điều chỉnh. Tự học hay học tập tự chủ được xem xét ở khía cạnh hình thức hoạt động giúp người học có điều kiện tự nghiền ngẫm các vấn đề trong nội dung học tập theo một cách riêng và với tốc độ thích hợp.

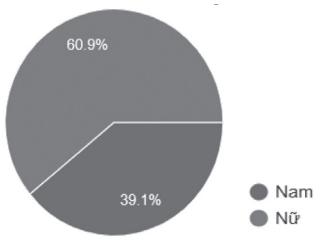
2.1.3. Công cụ trí tuệ nhân tạo đối với việc tự học của sinh viên

Trí tuệ nhân tạo đang thúc đẩy cuộc cách mạng công nghệ, thay đổi phương thức sản xuất và học tập (IBM, 2008). Tuy nhiên, việc nghiên cứu và ứng dụng AI trong giáo dục đại học vẫn còn hạn chế. AI trong hoạt động học tập của người học thực chất là việc sử dụng AU để hiểu cách thức học tập diễn ra và các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến việc học tập, từ đó tạo ra các điều kiện học tập hiệu quả hơn cho người học (Zhiming et al., 2017). Đây được coi là quá trình chuyển đổi số trong giáo dục khi mà các lí thuyết giáo dục hiện nay có xu hướng ủng hộ việc tự lựa chọn, quyết định của người học với hoạt động học tập của họ (Collins & Halverson, 2010). Nghiên cứu của Sjoden (2015) and Goleman (1996), SV có cảm xúc mạnh mẽ về kết quả học tập. Phương pháp học máy và khám phá dữ liệu được sử dụng để khám phá những loại dữ liệu giáo dục riêng biệt nhằm hiểu rõ hơn về SV và thiết lập những nội dung SV cần học tập, qua đó giúp người học tối đa hóa chi phí, thời gian, công sức để đạt được hiệu quả học tập cao nhất [9]. Do đó, với AI trong giáo dục (ADEd) người học khác nhau có thể tiếp thu khác nhau, lúc này AI có thể hiểu được năng lực tiếp thu của từng SV và đưa ra chiến lược dạy học khác nhau phù hợp với nhận thức của từng SV. AI đóng vai trò trong mục đích giáo dục vì chúng là một cơ chế học tập tương tác so với phương pháp học tập truyền thống. Người học có thể tương tác liên tục với chatbot bằng cách đặt câu hỏi liên quan đến một lĩnh vực cụ thể. AI chatbot là một công cụ được dùng để thu thập thông tin SV liên quan đến sở thích, thói quen và phương pháp học tập, ngay cả phát hiện những lỗi sai thường gặp trong bài viết tiếng Anh. Vì thế, AI được xem như là một "trợ giảng". Nghiên cứu của Reham El Shazly (2021) cho thấy, chatbot AI có tiềm năng giúp cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh, đặc biệt là giảm bớt nỗi lo lắng khi nói. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới chỉ tập trung vào những người học ngoại ngữ bị chứng sợ nói tiếng Anh, chưa đánh giá đầy đủ tác động của AI lên cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết [9]. Sự phát triển của AI đã mang lại nhiều ứng dụng học ngôn ngữ hữu ích. AI có thể hỗ trợ người học tự học hiệu quả hơn, thậm chí có thể thay thế giáo viên hướng dẫn trong một số trường hợp, ví dụ như các phần mềm Doulingo, ELSA Speak. Nhờ khả năng phân tích và đưa ra phản hồi khách quan, AI được đánh giá cao trong việc hỗ trợ học ngôn ngữ. Nghiên cứu của Ling Wei (2023) đã chứng minh hiệu quả ứng dụng AI trong học Tiếng Anh. AI có thể xử lý lượng lớn dữ liệu, cung cấp thông tin nhanh chóng và linh hoạt cho người học, giúp cải thiện kỹ năng tiếng Anh hiệu quả [10]. Mối quan hệ giữa AI và học Tiếng Anh rất mật thiết. Học Tiếng Anh là nền tảng cho sự phát triển của chatbot và giao tiếp AI. Ngược lại, AI hỗ trợ đắc lực cho việc học và nghiên cứu tiếng Anh. Sự kết hợp này mở ra nhiều cơ hội cho các nhà nghiên cứu khám phá và ứng dụng AI trong lĩnh vực ngôn ngữ.

2.2. Thực trạng sử dụng công cụ AI trong việc tự học của sinh viên chuyên Anh

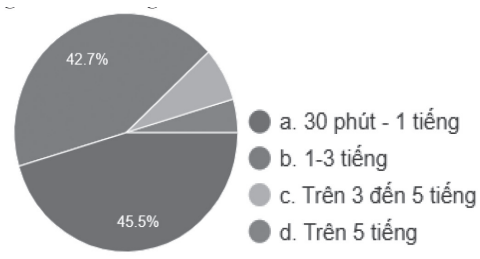
2.2.1. Thống kê giới tính của sinh viên tham gia khảo sát

Biểu đồ 1 cho thấy sự phân bố giới tính trong mẫu khảo sát SV Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học An Giang, bao gồm chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Nhìn chung, số lượng SV nữ chiếm 60,9% cao hơn đáng kể so với SV nam chiếm 39,1%, phản ánh đặc điểm giới tính phổ biến trong các ngành học này.



Biểu đồ 1: Thống kê giới tính

2.2.2. Thời lượng tự học Tiếng Anh của sinh viên



Biểu đồ 2: Thời gian sử dụng AI

Theo biểu đồ 2, phần lớn SV ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học An Giang dành khoảng thời gian trung bình mỗi ngày để tự học Tiếng Anh. Cụ thể, thời lượng tự học dao động từ 30 phút đến hơn 5 tiếng. Trong đó, nhóm SV tự học từ 30 phút đến 1 tiếng chiếm tỷ lệ cao nhất (45,5%), tiếp đến là nhóm từ 1 đến 3 tiếng (42,7%). Chỉ có một phần nhỏ SV dành 3-5 tiếng (7,6%) hoặc trên 5 tiếng (4,5%) để tự học. Kết quả

này cho thấy SV đang trong giai đoạn tập trung vào các môn chuyên ngành, đòi hỏi thời gian tự học Tiếng Anh nhiều hơn. Đặc biệt, SV năm thứ nhất, năm thứ 2 cần trau dồi kỹ năng để đáp ứng yêu cầu môn học, trong khi SV năm thues 3 cần ôn tập để chuẩn bị cho kỳ thi chứng chỉ đầu ra.

2.2.3. Sinh viên sử dụng công cụ AI để tự học Tiếng Anh

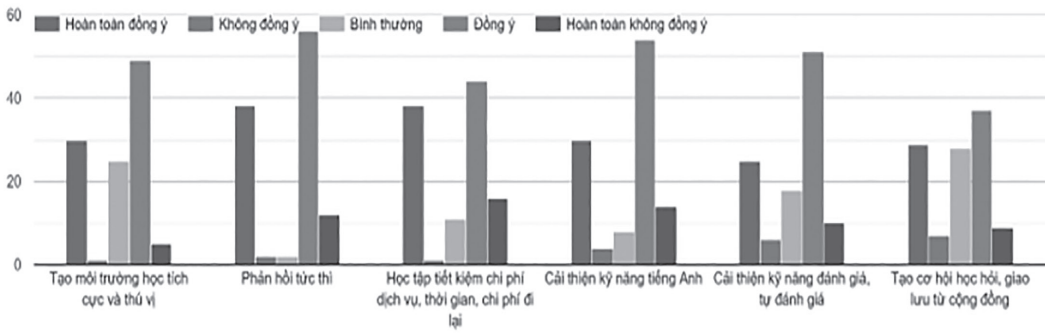
Kết quả khảo sát việc sử dụng các phần mềm như các công cụ Chat GPT, Google Translate, Texti vào việc tự học Tiếng Anh cho thấy SV chuyên Anh đang tiếp cận với công nghệ này một cách tích cực chiếm tỉ lệ rất cao. Cụ thể, có 9.1% luôn luôn sử dụng công cụ AI, 61,8% SV thường xuyên sử dụng các phần mềm này để tối ưu hóa việc tự học Tiếng Anh. Đây là một tỷ lệ đáng kể, cho thấy sự nhận thức rõ ràng của SV về lợi ích của công nghệ trong việc hỗ trợ học tập. Bên cạnh đó, 44,7% SV cho biết họ thỉnh thoảng sử dụng các phần mềm này, tiếp tục khẳng định xu hướng ứng dụng công nghệ AI trong việc học ngoại ngữ. Chỉ có một phần rất nhỏ số SV hiếm khi 1 SV (0,9%) hoặc không bao giờ 2 SV (1,8%) sử dụng các phần mềm hỗ trợ học tập tích hợp AI. Điều này phù hợp với các dự đoán về sự phát triển của trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục từ các nghiên cứu trước đây.

Khảo sát về việc SV sử dụng công cụ hỗ trợ học ngôn ngữ tích hợp AI như Doulingo, ELSA Speak, Grammaly, Lingo Deer, NativeX,...kết quả cho thấy SV chuyên Anh đang có xu hướng tích cực trong việc ứng dụng công nghệ AI vào việc học Tiếng Anh. Cụ thể, 35.5% SV thường xuyên sử dụng các ứng dụng tích hợp AI như Doulingo, ELSA Speak, Grammaly, Lingo Deer, NativeX,... để hỗ trợ việc tự học. Thậm chí, 4.3% SV luôn luôn sử dụng các công cụ này cho thấy sự tin tưởng vào hiệu quả của công nghệ AI trong việc nâng cao kỹ năng ngoại ngữ. Điều này phản ánh SV đã và đang tiếp cận với công nghệ phần mềm và AI một cách đa dạng và chủ động hơn, thay vì chỉ đơn thuần sử dụng để tra cứu thông tin. Bên cạnh đó, 49.1% SV thỉnh thoảng sử dụng các phần mềm hỗ trợ học tập tích hợp AI. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ SV hiếm khi (7.3%) hoặc không bao giờ (3.6%) sử dụng các ứng dụng này.

Khảo sát này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ sử dụng công cụ AI trong quá trình tự học Tiếng Anh. Các câu hỏi được thiết kế để thu thập thông tin về nhu cầu và tần suất sử dụng của người tham gia. Kết quả khảo sát về mức độ sử dụng công cụ AI trong việc tự học của SV Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh cho thấy, đa số SV (64.5%) thường xuyên sử dụng công cụ AI để hỗ trợ học tập. Con số này cho biết sự phổ biến của công nghệ AI trong việc học ngoại ngữ hiện nay. 24.5% SV thỉnh thoảng sử dụng công cụ AI cho thấy xu hướng này đang ngày càng phát triển. 9.1% SV luôn luôn sử dụng công cụ AI, thể hiện sự tin tưởng cao vào hiệu quả của công nghệ này. Chỉ có 1.8% SV không bao giờ sử dụng công cụ AI, đây là một tỷ lệ rất nhỏ so với những kết quả tích cực được thống kê. Nhìn chung, khảo sát cho thấy SV đang tích cực ứng dụng công nghệ AI vào việc tự học Tiếng Anh, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

2.2.4. Lợi ích sử dụng các công cụ AI trong tự học Tiếng Anh

Nghiên cứu đã khảo sát ý kiến của SV về lợi ích sử dụng công cụ AI trong tự học Tiếng Anh được cụ thể hóa ở biểu đồ 3.



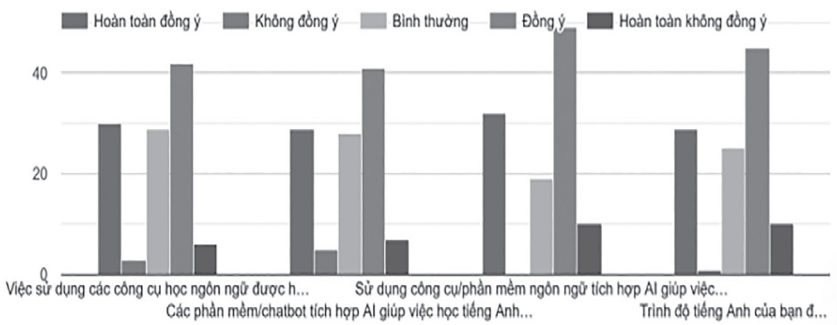
Hình 3: Lợi ích của AI đối với tự học

SV đánh giá các lợi ích dựa trên thang đo 5 bậc, từ "Hoàn toàn không đồng ý" đến "Hoàn toàn đồng ý". Kết quả cho thấy lợi ích được SV đánh giá cao nhất là "phản hồi tức thì" (56 SV). Tiếp theo là lợi ích "tiết kiệm chi phí dịch vụ, thời gian và chi phí đi lại" (46 SV). Các lợi ích khác cũng được SV quan tâm bao gồm: cải thiện kỹ năng tiếng Anh, tạo môi trường học tập tích cực và thú vị, cải thiện kỹ năng tự đánh giá và tạo cơ hội giao lưu học hỏi.

Công cụ AI mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho SV tự học Tiếng Anh, bao gồm: phản hồi tức thì giúp tiết kiệm thời gian và duy trì hứng thú học tập; tiết kiệm chi phí và thời gian so với các khóa học truyền thống; cung cấp nguồn kiến thức phong phú, đa dạng, giúp mở rộng vốn hiểu biết về ngôn ngữ. Các tính năng nổi bật của công cụ AI bao gồm: hỗ trợ mở rộng vốn từ vựng với bài tập và trò chơi tương tác, nâng cao ngữ pháp với công cụ phân tích lỗi, giải thích và hướng dẫn sửa lỗi, phát triển kỹ năng đọc với bài đọc đa dạng, từ điển và công cụ dịch thuật, cải thiện kỹ năng viết với khả năng kiểm tra lỗi và gợi ý cách diễn đạt, luyện kỹ năng nghe nói với khả năng nhận dạng giọng nói, giao tiếp với chatbot và bài tập tương tác. Nhờ những lợi ích này, công cụ AI giúp SV cải thiện kỹ năng tiếng Anh một cách toàn diện.

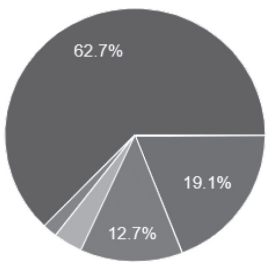
2.2.5. Ảnh hưởng của việc sử dụng công cụ AI vào quá trình tự học Tiếng Anh của sinh viên

SV Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học An Giang khi được hỏi về lợi ích của công cụ AI trong việc học Tiếng Anh đã cho biết các công cụ này giúp tăng động lực học tập. Họ học Tiếng Anh trở nên thú vị và hấp dẫn hơn so với phương pháp truyền thống, giúp SV dễ dàng học Tiếng Anh ngoài giờ lên lớp, nâng cao trình độ, mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc cải thiện trình độ tiếng Anh.



2.2.6. Tác động sau khi sử dụng các công cụ AI của sinh viên chuyên Anh

Nhằm khảo sát những kết quả mà SV chuyên Anh, Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học An Giang có được sau khi sử dụng các công cụ AI vào việc học Tiếng Anh. Tác giả tiến hành đánh giá dựa trên dữ liệu thu được từ bảng khảo sát. Trong đó, phần lớn SV (62,7%) cho rằng, các công cụ AI đã giúp họ cải thiện phần lớn kỹ năng trong quá trình tự học Tiếng Anh. Cụ thể, 19,1% người tham gia khảo sát cho biết sau khi tự học với các công cụ AI, từ vựng của họ đã được nâng cao. 12,7% SV đúc kết rằng họ đã cải thiện được kỹ năng ngữ pháp khi tự học thông qua các công cụ AI. 3,6% đánh giá họ đã gia tăng mức độ nói của mình và 1,8% SV cho biết phát âm của họ đã được cải thiện tốt hơn.



Biểu đồ 4: Nhìn nhận của SV khi sử dụng AI

2.2.7. Hạn chế và giải pháp

Để khảo sát ảnh hưởng của việc sử dụng công cụ AI đến việc tự học Tiếng Anh của SV Ngôn ngữ Anh, nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp định lượng. Cụ thể, bảng câu hỏi khảo sát bao gồm cả câu hỏi đóng và câu hỏi mở đã được sử dụng để thu thập dữ liệu về tần suất sử dụng công cụ AI và mức độ hài lòng của người học. Kết quả phân tích cho thấy, 100% SV tham gia khảo sát đều đã và đang sử dụng công cụ AI để tự học Tiếng Anh, mặc dù tần suất sử dụng nhiều hay ít có sự khác biệt giữa các cá

nhân. Kết quả cho thấy, công cụ AI đang ngày càng phổ biến và được người học ưa chuộng sử dụng để hỗ trợ việc tự học Tiếng Anh và ứng dụng công nghệ vào việc học ngôn ngữ đã mang lại sự hấp dẫn, thú vị cho người học. Tuy nhiên, một số ít SV cho biết họ không bao giờ sử dụng công cụ AI. Lý do được đưa ra là do hạn chế về khả năng sử dụng công nghệ: một số SV gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các công cụ AI do thiếu kỹ năng công nghệ hoặc không có thiết bị phù hợp. Lo lắng về sự phụ thuộc: một số SV lo ngại rằng việc quá lệ thuộc vào công cụ AI sẽ làm giảm khả năng tự học và tư duy độc lập của bản thân. Những lo lắng này phản ánh mối quan tâm chung về việc lạm dụng và phụ thuộc vào công nghệ trong xã hội hiện đại như đã được đề cập trong nghiên cứu của R.R. Font và F.G. Araya (2023).

3. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng sử dụng và ảnh hưởng của các công cụ AI đối với việc tự học Tiếng Anh của SV chuyên Anh - ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh tại Trường Đại học An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy các công cụ AI mang lại nhiều tác động tích cực cho SV như nâng cao động lực học tập, tính năng phản hồi tức thì, giao diện thân thiện và nội dung học tập đa dạng của công cụ AI giúp SV hứng thú và có động lực hơn trong việc tự học Tiếng Anh. AI cải thiện trình độ kỹ năng vì nhờ sự hỗ trợ của công cụ AI, SV có thể nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết và ngữ pháp một cách hiệu quả. SV có hứng thú học ngoại ngữ hơn, ứng dụng công nghệ AI vào việc học giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, thú vị, từ đó khơi gợi và duy trì niềm yêu thích học ngoại ngữ của SV. Các công cụ AI đã trở thành một nguồn tài nguyên học tập thiết yếu và hấp dẫn, giúp SV mở rộng hiểu biết về ngôn ngữ. SV có thể tiếp cận với nguồn kiến thức đa dạng, phong phú về ngôn ngữ, văn hóa và các khía cạnh khác liên quan đến tiếng Anh, nâng cao khả năng tự học. Công cụ AI hỗ trợ SV phát triển các kỹ năng tự học, tự đánh giá và tự điều chỉnh quá trình học tập. Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất một số công cụ học ngôn ngữ AI phù hợp với từng mục đích và kỹ năng cụ thể, giúp SV tối ưu hóa hiệu quả việc tự học Tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

[1] John McCarthy, M.I. Minsky, N. Rochester, C.E. Shannon (1955), *A Proposal for the Dartmouth summer conference on artificial intelligence (Đề xuất cho hội nghị mùa hè Dartmouth về trí tuệ nhân tạo),* AI Magazine, 31st Aug.

[2] A. Barr, P. R. Cohen, and E. A. Feigenbaum, (1989), *The Handbook of Artificial Intelligence (Sổ tay về trí tuệ nhân tạo)*, Vol IV, Addison-Wesley, Reading, Mass.

[3] Stuart Rusell, Peter Norvig. (2016), *Artificial Intelligence A Modern Approach (Artificial Intelligence A Modern Approach: trí tuệ nhân tạo, cách tiếp cận hiện đại)*, 3rd Global Edition Pearson.

[4] Makridakis, (2017), *The Forthcoming Artificial Intelligence (AI) Revolution: Its Impact on Society and Firms (Cuộc cách mạng trí tuệ nhân tạo (AI) tương lai: tác động của nó lên xã hội và doanh nghiệp)*, Rector, Neapolis University Pafos.

[5] Holec, H. (1979), *Autonomy and Foreign Language Learning (Tự chủ và học ngoại ngữ).* Council for Cultural Cooperation, Strasbourg, France.

[6] Little, D. (1999), *Learner autonomy is more than a Western cultural construct (Quyền tự chủ của người học không chỉ là một cấu trúc văn hóa phương Tây).* In S.Cotterall & D. Crabe (Eds.), Learner autonomy in language learning: Defining the field and effecting change (Vol. 8, pp. 11-18). Frankfurt: Peter Lang.

[7] Dickinson, L. (1995), *Autonomy and motivation a literature review (Tự chủ và động lực - một bài tổng quan tài liệu).* Elsevier, 23(2), pp. 165-174.

[8] Benson, P., & Voller P. (eds.) (1997), *Autonomy and independence in language learning (Tính tự chủ và độc lập trong việc học ngôn ngữ)*. London: Longman.

[9] R. F. E. Shazly (2021), *Effects of artificial intelligence on English speaking anxiety and speaking performance: A case study (Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo đến sự lo lắng khi nói tiếng Anh và hiệu suất nói: Một nghiên cứu điển hình)*, Expert Systems, Vol. 38, No. https://doi.org/10.1111/exsy.12667 4, pp. 1-15.

[10] L. Wei (2023), *Artificial intelligence in language instruction: impact on English learning achievement, L2 motivation, and self-regulated learning (Trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy ngôn ngữ: tác động đến thành tích học Tiếng Anh, động lực ngôn ngữ thứ hai và khả năng tự điều chỉnh học tập),* Frontiers in Psychology, vol. 14, pp.1-14, https://doi.org/ 10.3389/fpsyg.2023.1261955.